

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚC YÊN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2018/DS- ST
Ngày 04 - 10 -2018
“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚC YÊN- TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Xuân Thịnh

Bà Phan Thị Nhung

Thư ký phiên tòa: Ông Đường Thái Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 41/2018/TLST - DS ngày 12 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2018/QĐXX-ST ngày 12 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2018/QĐST-DS ngày 28 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị O, sinh năm 1955 (có mặt)

Trú tại: Thôn A, xã T, huyện M, thành phố Hà Nội

Bị đơn: Công ty TNHH Đầu tư D (gọi tắt là Công ty D)

Địa chỉ: Tổ xx, đường T, phường T, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Văn Đ – Giám đốc công ty (có mặt)

Trú tại: Tổ xx, đường T, phường T, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

NHẬN THẤY

Trong đơn khởi kiện ngày 03 tháng 6 năm 2018 cũng như các bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn Bà Phạm Thị O trình bày: Năm 2015 bà có cho Công ty D vay 110.000.000đồng và 01 cây 03 chỉ vàng, vay không kỳ hạn. Về lãi suất thỏa thuận lãi suất 1% / 01 tháng và 15.000đồng /01chỉ /01 tháng. Năm 2016 bà cần tiền, bà đến Công ty D lấy tiền nhưng Công ty D không trả tiền cho bà nên bà khởi kiện Công ty D ra Tòa. Tại buổi hòa giải tại tòa án ngày 08/4/2016 bà và Công ty D thống nhất tổng số tiền và vàng quy ra bằng tiền là 149.000.000 đồng (*một trăm bốn mươi chín triệu đồng*). Công ty D hứa trả cho bà 40.000.000 đồng (*bốn mươi triệu đồng*) vào ngày 08/4/2016 và sau đó mỗi tháng trả 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*) vào ngày mùng 08 hàng tháng cho đến khi hết số tiền trên. Sau khi hòa giải, bà rút đơn khởi kiện, nhưng Công ty D đã không thực hiện theo thỏa thuận, trả không đúng số tiền và không đúng thời hạn như biên bản hòa giải ngày 08/4/2016. Từ ngày 08/4/2016 đến 29/5/2018, Công ty D đã trả cho bà số tiền 97.250.000 đồng (*chín mươi bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*). Tính đến 29/5/2018 Công ty D còn nợ bà số tiền 51.750.000 đồng (*năm mươi một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) và Công ty D đã ghi vào giấy đưa cho bà. Nay bà khởi kiện yêu cầu Công ty D phải trả cho bà số tiền 51.750.000 đồng (*Năm mươi một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*). Về lãi mặc dù khi cho vay có thỏa thuận nhưng nay bà không yêu cầu Tòa án giải quyết từ trước đến ngày xét xử. Nếu sau khi Tòa xét xử Công ty D chậm trả thì phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa bà O nộp tài liệu bản gốc đề ngày 11/12/2017 thể hiện Công ty D ghi nhận quá trình vay tiền và trả cho bà đến ngày 29/5/2018 còn 51.750.000 đồng.

Đại diện bị đơn, Công ty D do ông Đào Văn Đ trình bày: Trong quá trình hoạt động, Công ty D có vay của bà O tiền và viết giấy như bà O trình bày là đúng. Do khó khăn nên Công ty D không trả cho Oanh như đã thỏa thuận ngày 08/4/2016. Tổng số tiền Công ty D nợ bà O là 149.000.000 đồng và Công ty D đã trả dần cho bà O được số tiền 97.250.000đ (*chín mươi bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*). Hiện nay Công ty D còn nợ bà O số tiền 51.750.000đ (*Năm mươi một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*). Do Công ty D gặp khó khăn nên Công ty D xin trả dần cho bà O mỗi tháng 300.000 đồng. Về tiền lãi, Công ty D tập trung trả tiền gốc nên đề nghị bà O không tính tiền lãi.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa xét xử đã thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Bị đơn và nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468, khoản 2 Điều 469, Điều 357 và điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Xử: Buộc Công ty TNHH Đầu tư D phải trả cho Bà Phạm Thị O số tiền 51.750.000đ (*Năm mươi một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*). Đối với khoản tiền phải thi hành án nói trên, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không nộp thì hàng tháng phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án phí: bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngày 03 tháng 6 năm 2018 Bà Phạm Thị O có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án buộc Công ty TNHH Đầu tư D, địa chỉ: Tổ xx, đường T, phường T, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc trả bà số tiền 51.750.000đ nên Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo khoản 3 Điều 26; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì bà O là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án

Từ khi Tòa án thụ lý cho đến khi xét xử: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Kiểm sát viên và Hội Thư ký phiên tòa thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản” quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3]. *Về nội dung vụ án Hội đồng xét xử nhận thấy:*

Nguyên đơn là Bà Phạm Thị O và bị đơn là Công ty D đều thừa nhận bà O cho Công ty D vay 149.000.000đồng, Công ty D đã trả được bà O 97.250.000đ (*chín mươi bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*). Hiện nay Công ty D còn nợ bà O 51.750.000đ (*Năm mươi một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*). Hai bên không thống nhất nhau về thời hạn trả số tiền trên. Theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Như vậy, việc Công ty D còn nợ bà O đồng 51.750.000đ là có thật nên cần buộc Công ty D phải trả cho Oanh số tiền trên.

Về tiền lãi bà O không yêu cầu tính lãi từ trước đến ngày xét xử, nếu sau khi xét xử, Công ty D chậm trả tiền thì Công ty D phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật. Việc đề nghị này của bà hoàn toàn tự nguyện và đúng pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử thấy cần buộc Công ty D trả cho bà O số tiền 51.750.000đồng.

[4] Về án phí dân sự:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Yêu cầu khởi kiện của bà O được chấp nhận nên Công ty D phải chịu án phí 5% của số tiền 51.750.000 đồng là 2.587.000 đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466, Điều 468, khoản 2 Điều 469, Điều 357 và điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Buộc Công ty TNHH Đầu tư D phải trả cho Bà Phạm Thị O số tiền 51.750.000đ (*Năm mươi một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

Đối với khoản tiền phải thi hành án nói trên, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi

hành án không nộp thì hàng tháng phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí Dân sự sơ thẩm: Công ty TNHH Đầu tư D phải chịu 2.587.000 đồng (*hai triệu năm trăm tám bảy nghìn đồng*)

3. Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh